| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 69/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-8-2023
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

*Các Hội thẩm nhân:* Ông Đặng Minh Lý

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- *Thư ký phiên tòa*: ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa*: bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 240/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Lê Ng L, sinh năm 1968, địa chỉ: số 333/44/9 đường P , tổ 31, khu phố 6, phường T , thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: số 436, đường M, khu phố 5, phường P, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1968; địa chỉ: số 333/44/9 đường P, tổ 31, khu phố 6, phường T, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2023, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Ng L trình bày:

Bà Lê Ng L và ông Nguyễn Văn S sống chung với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong thời gian sống chung, ông S không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu, vô cớ chửi và xúc phạm nhân phẩm, danh dự của bà L cùng các con. Bà L đã khuyên can và nhiều lần bỏ qua lỗi của ông S nhưng ông

S không thay đổi tính tình. Ông S còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác vì vậy giữa bà L, ông S không có sự tôn trọng nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đã không còn sống chung từ năm 2001 đến nay và không quan tâm tới cuộc sống của nhau.

Để không chịu trách nhiệm đối với các giao dịch dân sự do bên còn lại xác lập trong thời gian không sống chung, bà Lê Ng L yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

- Về con chung: trong thời gian sống chung, bà L và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H , sinh ngày 01/12/1991 và Lê Hoài A sinh ngày 29/4/2001, đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về sức khỏe và tinh thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 03/7/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày***:** ông S và bà Lê Ng L chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Chung sống vui vẻ đến năm 2001 thì bà L nhắn tin qua điện thoại của ông S nội dung không còn tình cảm với ông S đề nghị không tiếp tục sống chung và không được quan tâm tới cuộc sống riêng của bà L. Từ năm 2001 đến nay ông S và bà L không sống chung, không quan tâm tới cuộc sống riêng của nhau và không tạo lập tài sản chung.

Bà Lê Ng L yêu cầu Tòa án không công nhận ông S và bà L là vợ chồng, ông S đồng ý.

- Về con chung: trong thời gian sống chung, ông Nguyễn Văn S và bà L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H , sinh ngày 01/12/1991 và Lê Hoài A sinh ngày 29/4/2001, đã trên 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn S không chung sống với bà L từ năm 2001 nên đến Tòa án theo giấy triệu tập để nộp bản tự khai, nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, không đồng ý tham gia hòa giải.

Sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ta xét xử, Tòa án đã chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một để kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một không tham gia phiên tòa vì theo hồ sơ vụ án, bà Lê Ng L và ông Nguyễn Văn S có bản tự khai thống nhất các nội dung đồng thời yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt, 02 con chung của ông bà đã trên 18 tuổi, Tòa án không phải tiến hành thu thập chứng cứ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của ông Nguyễn Văn S: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông S tham gia tố tụng nhưng ông S có đơn yêu cầu giải quyết vụ án vắng mặt. Ngày

24/7/2023, bà Lê Ng L nộp đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự cùng những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bà L, ông S.

[2] Bà Lê Ng L và ông Nguyễn Văn S sống chung với nhau từ năm 1991 đến năm 2001, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Bà L và ông S thừa nhận trong thời gian sống chung đã xảy ra mâu thuẫn nên không còn sống chung từ năm 2001 đến nay, vì không còn tình cảm với nhau nên không đồng ý tham gia hòa giải.

Bà Lê Ng L yêu cầu Tòa án không công nhận quan bà và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: trong thời gian sống chung, ông Nguyễn Văn S và bà L có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/12/1991 và Lê Hoài A sinh ngày 29/4/2001, đã trên 18 tuổi, không bị hạn chế về sức khỏe và tinh thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: bà Lê Ngọc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 8, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Ng L đối với bị đơn ông Nguyễn Văn S;

1.1 Không công nhận bà Lê Ng L và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

1.2 Về con chung: đã trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3 Về tài sản chung và vay nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Lê Ng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003107, ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Về quyền kháng cáo: bà Lê Ng L và ông Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một (để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đỗ Thị Lan Hương**